

Số: 565/2024/DS-ST

Ngày: 29/8/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1./ Ông Võ Văn Tốt

2./ Bà Lâm Thị Nga

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 :* Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12 – Tp ..

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 573/2022/TLST-DS ngày 12/12/2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1002/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1190/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3; (T4)

Địa chỉ trụ sở: Số E, Phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T (Có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc T1, sinh năm 1987; (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Tổ H, Khu phố C, phường B, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú hiện nay: số E Khu phố B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần V

Địa chỉ: Tòa nhà V, đường C, Khu đô thị S, phường P, quận L, thành phố Hà Nội (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3 (Sau đây*

gọi tắt là Ngân hàng) trình bày :

Ngân hàng TMCP T3 và bà Trần Ngọc T1 ký hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020, Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bà Trần Ngọc T1, cụ thể như sau:

- Số tiền vay : 2.000.000.000 đồng
- Mục đích vay : Thanh toán tiền căn hộ số: OT12 (theo biên bản bàn giao ngày 08/12/2016) tại tầng 30. Toà nhà C thuộc Nhà chung cư phường B, Quận B, TP H.
- Thời hạn vay : 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên – Ân hạn gốc 12 tháng.
- Lãi suất cho vay: lãi suất linh hoạt

Ngày 06/08/2020, Ngân hàng TMCP T3 ký với bà Trần Ngọc T1 hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02, Cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Mục đích: Vay thanh toán bảo hiểm an tâm tín dụng;
- Thời hạn vay : 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên – Ân hạn gốc 12 tháng.
- Lãi suất cho vay: lãi suất linh hoạt như sau:

Ngày 07/10/2021, Ngân hàng TMCP T3 ký với bà Trần Ngọc T1 đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG, Cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng);
- Mục đích: Vay mua sắm trang thiết bị, nội thất, đồ gia dụng và các vật dụng khác trong gia đình;
- Thời hạn vay : 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 08/10/2023 – Ân hạn gốc 06 tháng.
- Lãi suất cho vay: lãi suất linh hoạt.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà Trần Ngọc T1 đã thế chấp tài sản là căn hộ số C3 - 30.OT2 thuộc dự án Khu phức hợp Tân Cảng S (Vinhomes C), địa chỉ tại phường B, Quận B, TP H theo Hợp đồng mua bán căn hộ số C3 - 30.OT2/VCP/HĐMBCH ký ngày 07/08/2020 giữa Công ty Cổ Phần V và bà Trần Ngọc T1 và các phụ lục, mẫu biểu đính kèm (Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/2020/HDBD/TTKD.KDG/01 ngày 14/08/2020).

Sau khi giải ngân và đến kỳ hạn trả nợ, bà Trần Ngọc T1 đã Ngân hàng được 333.386.862 đồng (Trong đó: nợ gốc đã trả là: 44.517.553 đồng và nợ lãi là: 288.869.309 đồng), sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện bà Trần Ngọc T1 đến Tòa án nhân dân Quận 12, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết:

- Buộc bà Trần Ngọc T1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/08/2024 là 2.889.877.535 đồng (Hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 2.071.482.447đ, lãi trong hạn 637.469.309đ, lãi quá hạn 97.402.532đ, lãi chậm trả 83.523.247đ.

- Buộc bà Trần Ngọc T1 tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020, hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02 ngày 06/08/2020; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020; đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG ngày 07/10/2021 ký giữa Ngân hàng và bà Trần Ngọc T1.

Trường hợp bà Trần Ngọc T1 không tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/2020/HDBD/TTKD.KDG/01 ngày 14/08/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho khoản nợ của bà Trần Ngọc T1 tại Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Trần Ngọc T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần V tại công văn ngày 10/8/2023 và công văn số 57/2024/CV-VH ngày 26/3/2024 trình bày:

Ngày 07/08/2020 bà Trần Ngọc T1 có nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ số C3 - 30.OT2 thuộc dự án Khu phức hợp Tân Cảng S (Vinhomes C), địa chỉ tại phường B, Quận B, TP H với Công ty Cổ Phần V. Tổng giá bán căn hộ là 2.001.396.282đ. Đến thời điểm hiện tại bà T1 đã thanh toán theo hợp đồng mua bán (98 % giá bán căn hộ và 98% thuế VAT, KPBT) là 1.962.089.025đ, còn lại 2% giá bán căn hộ và 2% thuế VAT: 39.307.256đ, bên mua sẽ thanh toán khi căn hộ được cấp giấy chứng nhận.

Hiện trạng tài sản thế chấp nói trên là kể từ khi bàn giao cho chủ sở hữu vào ngày 30/6/2015 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa nhận được thông tin liên quan đến việc đăng ký thi công, cải tạo, sửa chữa đối với căn hộ số C3 - 30.OT2.

Trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tuyên T5 có quyền xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ C3 - 30.OT2 thì việc xử lý tài sản bảo đảm cần tuân thủ theo

thoả thuận về việc quản lý, xử lý tài sản tại Ngân hàng ký giữa công ty, T4 và bà Trần Ngọc T1.

Do không bố trí được nhân sự tham gia, công ty xin phép vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải tại Toà án và trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bà Trần Ngọc T1 có địa chỉ cư trú tại số E Khu phố B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng :*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3, đại diện ủy quyền ông Nguyễn Thành T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần V có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Về nội dung hợp đồng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định một bên không phản đối tình tiết bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo hòa giải nhưng đã không gửi văn bản phản đối những tình tiết bên nguyên đơn

đưa ra. Như vậy bên nguyên đơn không phải chứng minh những tình tiết nguyên đơn đưa ra là chứng cứ. Từ đó:

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020, hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02 ngày 06/08/2020; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020; đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG ngày 07/10/2021 giữa Ngân hàng và bà Trần Ngọc T1, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên Ngân hàng và bà T1 đã có ký kết hợp đồng tín dụng. Đây là hợp đồng dân sự được hai bên Ngân hàng và bà T1 giao kết một cách tự nguyện.

Tính đến ngày 29/8/2024, bà T1 còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020, hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02 ngày 06/08/2020; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020; đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG ngày 07/10/2021 tổng cộng là 2.889.877.535 đồng (Hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 2.071.482.447đ, lãi trong hạn 637.469.309đ, lãi quá hạn 97.402.532đ, lãi chậm trả 83.523.247đ.

Theo quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng năm 2010, hai bên có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, nên những thỏa thuận giữa bà T1 và Ngân hàng về lãi suất là phù hợp pháp luật do đó chấp nhận.

Bị đơn bà T1 không thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020, hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02 ngày 06/08/2020; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020; đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG ngày 07/10/2021 nên bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số nợ tính đến ngày 29/08/2024 là 2.889.877.535 đồng (Hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà T1 tại Ngân hàng là căn hộ số C - 30.OT2 thuộc dự án Khu phức hợp Tân Cảng S (Vinhomes C), địa chỉ tại phường B, Quận B, TP H theo Hợp đồng mua bán căn hộ số C3 - 30.OT2/VCP/HĐMBCH ký ngày 07/08/2020 giữa Công ty Cổ Phần V và bà Trần Ngọc T1 và các phụ lục, mẫu biểu đính kèm (Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/2020/HDBD/TTKD.KDG/01 ngày 14/08/2020).

Theo công văn số 57/2024/CV-VH ngày 26/3/2024 Công ty cổ phần V cho biết hiện trạng tài sản thế chấp nói trên là kể từ khi bàn giao cho chủ sở hữu vào ngày 30/6/2015 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa nhận được thông tin liên quan đến việc đăng ký thi công, cải tạo, sửa chữa đối với căn hộ số C3 - 30.OT2. Như vậy, căn hộ nêu trên không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp cho Ngân hàng. Theo như Biên bản xác minh ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12 thì Công an phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết tài sản thế chấp hiện không có ai sinh sống, cư trú tại đây.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/2020/HDBD/TTKD.KDG/01 ngày 14/08/2020 giữa bên thế chấp là bà T1 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã thỏa thuận việc xử lý tài sản trong trường hợp: “Đến hạn trả nợ mà bên được bảo đảm/ bên bảo đảm không trả nợ (gốc, lãi, phí, phạt và các chi phí khác) hoặc trả nợ không đầy đủ/đúng hạn hoặc không thực hiện đúng/ đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản thỏa thuận có liên quan”. Do đó khi bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ và phù hợp với Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nói trên được dùng để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà T1, nếu thừa sẽ được trả lại cho bà T1; nếu còn thiếu thì bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

- Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà T1 phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu bà T1 không thi hành hoặc thi hành không hết còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 89.797.551đ (T2 mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi một đồng);

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 117, 119, 298, 299, 317, 318, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ các Điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;
- Căn cứ Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP T3, số tiền tính đến ngày 29/8/2024 tổng cộng là 2.889.877.535 đồng (Hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 2.071.482.447đ, lãi trong hạn 637.469.309đ, lãi quá hạn 97.402.532đ, lãi chậm trả 83.523.247đ theo hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/01 ngày 05/08/2020; hợp đồng cho vay từng lần số 57/2020/HDTD/TTKD.KDG/02 ngày 06/08/2020; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 57/2020/GNN/TTKD.KDG/01 ngày 06/08/2020; Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay số 26/2021/DNVV/TTKD.KDG ngày 07/10/2021 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP T3 thì Ngân hàng TMCP T3 có quyền yêu

cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là căn hộ số C - 30.OT2 thuộc dự án Khu phức hợp Tân Cảng S (Vinhomes C), địa chỉ tại phường B, Quận B, TP H theo Hợp đồng mua bán căn hộ số C3 - 30.OT2/VCP/HĐMBCH ký ngày 07/08/2020 giữa Công ty Cổ Phần V và bà Trần Ngọc T1 để thu hồi nợ.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nói trên được dùng để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà T1, nếu thừa sẽ được trả lại cho bà T1; nếu còn thiếu thì bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T3 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu bà Trần Ngọc T1 chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Ngọc T1 phải chịu án phí là 89.797.551đ (T2 mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi mốt đồng);

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền 38.905.310 (Ba mươi tám triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005039 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo : Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát trực tiếp cấp trên là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 ;
- Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trí